TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2017/DS-PT
Ngày: 18-12-2017
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại đất cho ở nhờ, yêu cầu hủy GCNQSD đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Thu Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2017/TLDS-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại đất cho ở nhờ, yêu cầu hủy GCNQSD đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2017/QĐ-PT ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1969
Địa chỉ: Số 130A thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1975
Địa chỉ: TDP. HB, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số 06 đường số 4, BC 2, P. BC, Q. TĐ, Tp. HCM.

5. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1980
Địa chỉ: Số 667 HV, TT. CS, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

6. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số 17/2 đường số 5, P. TNP B, Q. 9, Tp. HCM

7. Bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1987
Địa chỉ: Số 2/4 TQC, phường 10, Tp. ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Các đồng nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th1 theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2013.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1: Luật sư Nguyễn Phương Đại Ngh – Văn phòng luật sư Nguyễn Phương Đại Ngh – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn S, sinh năm 1958
Bà Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1956
Địa chỉ: Thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thanh Th2, sinh năm 1972
Địa chỉ: Số 130A thôn NS3, xã PS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng

2. Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T3. Chức vụ: Chủ tịch
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A. Chức vụ: Phó chủ tịch *(văn bản ủy quyền số 07/UQ-UBND ngày 27/3/2017).*

* Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1.

(ông Th1, bà Th2, bà L3, ông S và luật sư có mặt; đại diện UBND huyện LH có đơn xin xét xử vắng mặt;
các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1 thì:

Cha ông là Nguyễn Văn D2 và mẹ ông là bà Văn Thị H2. Quá trình chung sống ông bà sinh được 08 người con gồm: ông Nguyễn Văn Th1, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Thanh L1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Mỹ L2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N. Cha ông mất năm 2012, mẹ ông mất năm 2015. Vào năm 1969 cha mẹ ông có mua của ông Nguyễn H3 diện tích đất khoảng 10.000m^2, trên đất chỉ có ít cây cà phê, hai bên có viết giấy tờ mua bán với nhau và có thể hiện sơ đồ đất. Trước năm 1975 gia đình bà L3, ông S khó khăn không có đất làm nhà, thấy vậy cha,

mẹ ông có cho bà L3, ông S làm nhà tạm trên lô đất của gia đình nhà ông để làm ăn, diện tích 1.264m^2 thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c, thôn NS3, xã PS, huyện LH. Sau khi Hợp tác xã BS thành lập, gia đình ông đưa toàn bộ diện tích đất của gia đình ông vào Hợp tác xã, trong đó có phần diện tích đất của ông S, bà L3, được vài năm thì Hợp tác xã giải thể đất của ai trả về người đó. Năm 1992 gia đình ông và gia đình bà L3 xảy ra mâu thuẫn nên gia đình ông đòi lại đất. Năm 1993 bà L3 dời nhà đi nơi khác và nói sẽ trồng lại cà phê trên chỗ đất mà bà L3 đã chặt đi để làm nhà rồi sẽ trả lại đất cho gia đình ông nhưng bà L3 không trả. Khi nhà nước có chủ trương cho đăng ký, kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà L3 tự ý đi đăng ký, kê khai luôn cả phần diện tích đất gia đình ông cho ở nhờ.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L3, ông S phải trả lại cho ông D2 tích đất mà gia đình ông bà L3 ở nhờ, đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà L3. Đồng thời, buộc vợ chồng ông S, bà L3 phải bồi thường cho ông số cà phê mà ông S, bà L3 chặt phá, làm hư của gia đình ông với số tiền 24.557.750đ.

Bị đơn ông S, bà L3 và đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị D3 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L3 là em gái của ông Nguyễn Văn D2. Khoảng năm 1972 bà L3 bế con cho ông D2, bà H2 tại thôn NS3, xã PS, huyện LH. Vào năm 1975 vợ chồng ông D2, bà H2 cắt cho bà L3 một diện tích đất khoảng 1.000m^2, sau đó bà L3 có làm nhà tranh rồi sửa thành nhà ván để ở. Khoảng năm 1979, Hợp tác xã BS được thành lập, toàn bộ diện tích đất của gia đình ông D2, bà H2 và cả phần diện tích đất đã cho bà L3 đều nhập vào Hợp tác xã BS, sau đó Hợp tác xã có cấp lại cho bà L3 diện tích đất mà bà đang ở và cấp thêm khoảng 2.000m^2 đất vườn phía sau cho bà L3 nhận khoán. Sau khi canh tác được 02 năm thì do không có vốn đầu tư nên gia đình bà L3 đã giao lại phần diện tích nhận khoán khoảng 2.000m^2 đất vườn phía sau cho gia đình ông D2 canh tác. Gia đình bà L3 giữ lại diện tích đất khoảng hơn 1.000m^2 đang ở. Sau khi Hợp tác xã giải thể thì toàn bộ diện tích đất của Hợp tác xã giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện LH quản lý. Đến năm 1993 Ủy ban nhân dân xã PS thông báo cho người sử dụng đất đi kê khai, đăng ký. Ngày 03/01/1994 gia đình bà L3 đã được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.264m^2 (theo số hóa là 1.359m^2) thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông bà trả lại toàn bộ diện tích đất trên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông bà thì ông bà không đồng ý, vì diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, sử dụng ổn định nhiều năm, ông bà luôn làm tròn nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn diện tích đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 85m^2 thuộc một phần thửa 124, thôn NS3, xã PS, huyện LH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh Th2 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Th1. Bà xác định không liên quan đến việc tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn vì đây là nguồn gốc đất cha mẹ chồng để lại cho chồng bà và do chồng bà quyết định, bà không khiếu nại hay thắc mắc gì. Hiện nay vợ chồng bà đang sử dụng thửa 129 liền kề với thửa 124. Bị đơn cho rằng vợ chồng bà lấn chiếm 85m^2 và yêu cầu trả lại diện tích đất trên thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện LH, đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ ông Nguyễn S được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 29.404m^2, trong đó có 1.264m^2 đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c, xã PS tại Quyết định số 703/QĐ-UB ngày 29/9/1993.

Hiện nay hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn S đã bị thất lạc, chỉ còn tờ trình số 14/TT-RĐ-CCN ngày 29/9/1993 của phòng Nông lâm Công nghiệp huyện LH về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 703/QĐ-UB ngày 29/9/1993 của Ủy ban nhân dân huyện LH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không có cơ sở để khẳng định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn S có thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hay không.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Thanh L1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Mỹ L2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 phải trả lại diện tích đất 1.264m^2 (diện tích được số hóa là 1.359m^2), thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH; bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 24.557.750đ và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Nguyễn S vào ngày 03/01/1994 đối với diện tích 1.264m^2 thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 diện tích 85m^2 đất thuộc một phần thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH. Có kích thước cụ thể như sau: Chiều rộng phía ngoài giáp thửa 124 là 38,2m; chiều rộng phía trong giáp thửa 129 là 37,2m; chiều dài giáp thửa 123 là 4,6m (có trích lục họa đồ kèm theo).

Đình chỉ đối với yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 phải bồi thường giá trị cây trồng trên 85m^2 đất thuộc một phần thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/207 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Th1 rút kháng cáo đối với yêu cầu: vợ chồng ông S, bà L3 trả lại diện tích đất 1.264m^2 (diện tích được số hóa là 1.359m^2), thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Nguyễn S ngày 03/01/1994 diện tích đất nêu trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng trên đất số tiền 24.557.750đ. Ông Th1 giữ nguyên kháng cáo không chấp nhận phản tố của vợ chồng ông S, bà L3 yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho vợ chồng ông S, bà L3 diện tích 85m^2 đất thuộc một phần thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH.

Bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đồng nguyên đơn cho rằng diện tích 1.264m^2, thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ 41), thôn NS3, xã PS, huyện LH là của cha mẹ đồng nguyên đơn cho bị đơn vợ chồng bà L3, ông S mượn ở nhờ. Nay đồng nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho bị đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đất trên và bồi thường cây cà phê do bị đơn chặt phá, làm hư hỏng. Phía bị đơn không đồng ý và có đơn phản tố yêu cầu ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 trả lại diện tích 85m^2 đã lấn chiếm. Cấp sơ thẩm xác định *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại đất cho ở nhờ, yêu cầu hủy GCNQSD đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"* là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Th1 rút kháng cáo đối với các yêu cầu: vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 trả lại diện tích đất 1.264m^2 (diện tích được số hóa là 1.359m^2), thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Nguyễn S ngày 03/01/1994 đối với diện tích 1.264m^2 thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH; bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng trên đất số tiền 24.557.750đ. Việc nguyên đơn rút các yêu cầu kháng cáo nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th1 đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì thấy rằng:

Theo trích lục bản đồ địa chính được số hóa và kết quả đo đạc thực tế thì thửa 124 có diện tích là 1.359m^2. Diện tích này được bị đơn sử dụng ổn định từ nhiều năm nay. Sau khi phát sinh tranh chấp thì gia đình ông Th1 đã đào đất, phá bỏ một số cây cà phê để trồng mới cây bông gòn và cây cà phê robusta với diện tích lấn chiếm là 85m^2. Theo họa đồ đo vẽ ngày 13/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LH thì phần đất 85m^2 thuộc một phần thửa 124 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S, bà L3. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 trả lại diện tích đất trên cho ông S, bà L3 là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1 đối với việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 trả lại diện tích đất 1.264m^2 (diện tích được số hóa là 1.359m^2), thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Nguyễn S vào ngày 03/01/1994 đối với diện tích 1.264m^2 thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH và bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng trên đất số tiền là 24.557.750đ.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Th1 đối với yêu cầu phản tố của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th1, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Thanh L1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Mỹ L2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 phải trả lại diện tích đất 1.264m^2 (diện tích được số hóa là 1.359m^2), thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH; bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 24.557.750đ và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Nguyễn S vào ngày 03/01/1994 đối với diện tích 1.264m^2 thuộc thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 diện tích 85m^2 đất thuộc một phần thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH. Có kích thước cụ thể như sau: Chiều rộng phía ngoài giáp thửa 124 là 38,2m; chiều rộng phía trong giáp thửa 129 là 37,2m; chiều dài giáp thửa 123 là 4,6m (có trích lục họa đồ kèm theo).

Đình chỉ đối với yêu cầu của vợ chồng ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Kim L3 về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 phải bồi thường giá trị cây trồng trên 85m^2 đất thuộc một phần thửa 124, tờ bản đồ 249c (nay là tờ bản đồ số 41), tọa lạc tại thôn NS3, xã PS, huyện LH.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn Th1, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Thanh L1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Mỹ L2 và bà Nguyễn Thị Mỹ N mỗi người phải chịu 7.258.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Riêng vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1, bà Lê Thị Thanh Th2 còn phải chịu thêm 5.080.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền 11.600.000đ tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Th1 đã nộp theo biên lai thu số 0003219 ngày 28/10/2013; 17.432.500đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000239 ngày 03/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th1 số tiền 16.694.500đ.

Ông Nguyễn Văn Th1 phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003201 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH. Ông Th1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L3 số tiền 575.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007309 ngày 14/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện LH;
- Chi cục THADS huyện LH;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt